

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~8392~~ 392/UBND-KSTTHC

Đắk Lắk, ngày ~~14~~ 14 tháng 10 năm 2019

V/v triển khai thực hiện Quyết định số
1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (Bộ phận Một cửa) giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã (có gửi kèm theo), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố làm việc với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh để phối hợp, thống nhất triển khai thực hiện đưa các thủ tục hành chính quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg vào tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã đúng quy định.

2. Đối với thủ tục hành chính đưa vào tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh theo quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg: Giao Văn phòng UBND chủ trì, làm việc với Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan để thống nhất tham mưu UBND tỉnh về lộ trình thực hiện đảm bảo theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, sau khi Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đi vào hoạt động (dự kiến tháng 12 năm 2019).

Nhận được Công văn này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. / *leal*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, NC, KGVX, HCTC;
- Lưu: VT, KSTTHC (GL 6).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Số: 1291/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là Bộ phận Một cửa các cấp).

Điều 2. Ngoài những thủ tục hành chính được phê duyệt trong Danh mục nêu tại Điều 1, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thống nhất với Bộ, cơ quan ngang Bộ để đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp không thống nhất được với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xử lý theo thẩm quyền cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm việc giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định này; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ngành dọc báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tại địa phương với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

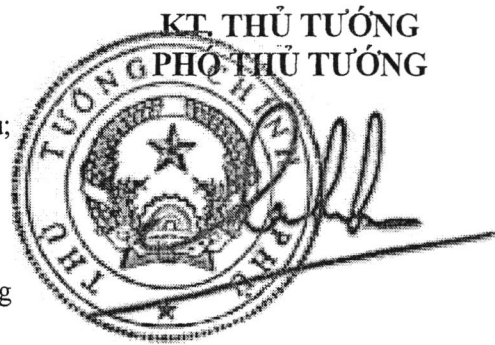
Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chức năng bảo đảm đủ cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan ngành dọc được cử ra làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp; tổ chức thực hiện có hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính đối với những thủ tục hành chính ngành dọc được đưa ra Bộ phận Một cửa các cấp; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những bộ, ngành thực hiện không nghiêm, không đúng quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện Quyết định này; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (3),K.



Trương Hòa Bình



DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO NGÀNH DỌC ĐÓNG
TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯA RA TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ
HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | TÊN/NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | CẤP THỰC HIỆN | | |
|--|--|---------------|-------|----|
| | | Tỉnh | Huyện | Xã |
| BỘ CÔNG AN | | | | |
| Lĩnh vực Cấp, quản lý chứng minh nhân dân | | | | |
| 1. | Cấp, cấp lại, đổi Chứng minh nhân dân (9 số) | x | x | |
| Lĩnh vực Cấp, quản lý căn cước công dân | | | | |
| 2. | Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | x | x | |
| 3. | Cấp thẻ Căn cước công dân khi chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | x | x | |
| 4. | Cấp lại, đổi thẻ Căn cước công dân | x | x | |
| 5. | Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | x | x | |
| 6. | Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi cấp thẻ Căn cước công dân chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư | x | x | |
| 7. | Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân | x | x | |
| Lĩnh vực Đăng ký, quản lý con dấu | | | | |
| 8. | Giải quyết thủ tục làm con dấu mới và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu | x | | |
| 9. | Giải quyết thủ tục làm con dấu thứ hai và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu | x | | |
| 10. | Giải quyết thủ tục làm lại con dấu và cấp giấy | x | | |

| | | | | |
|--|--|---|---|---|
| | chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu | | | |
| 11. | Giải quyết thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu | x | | |
| 12. | Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu | x | | |
| Lĩnh vực Quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện | | | | |
| 13. | Cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện | x | x | |
| BỘ QUỐC PHÒNG | | | | |
| Lĩnh vực động viên quân đội | | | | |
| 1. | Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>) | | | x |
| 2. | Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>) | | | x |
| Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội | | | | |
| 3. | Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000 | | | x |
| Lĩnh vực Dân quân tư vệ | | | | |
| 4. | Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết | | | x |
| 5. | Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết. | | | x |
| Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự | | | | |
| 6. | Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu | | | x |
| 7. | Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị | | | x |
| 8. | Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung | | | x |

| | | | | |
|---------------------------------|---|---|---|---|
| 9. | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập | | | X |
| 10. | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập | | | X |
| 11. | Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng | | | X |
| 12. | Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến | | | X |
| Lĩnh vực chính sách | | | | |
| 13. | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc | | | X |
| 14. | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>) | | | X |
| BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM | | | | |
| | Lĩnh vực thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | | | |
| 1. | Đăng ký, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế | X | X | |
| 2. | Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế | X | X | |
| 3. | Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; cấp sổ bảo hiểm xã hội | | X | |
| | Lĩnh vực thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội | | | |
| 4. | Giải quyết hưởng chế độ thai sản (Thực hiện đối với trường hợp người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận con, nhận nuôi con nuôi) | X | X | |
| 5. | Giải quyết di chuyển đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và | | X | |

| | | | | |
|----|---|---|---|--|
| | người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tỉnh này đến tỉnh khác | | | |
| 6. | Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích | x | | |
| 7. | Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số Quyết định số 613/QĐ-TTg | x | | |
| 8. | Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg | x | | |
| | Lĩnh vực Cấp sổ, thẻ | | | |
| 9. | Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (<i>Thực hiện đối với trường hợp cấp lại sổ bảo hiểm xã hội do mất, hỏng; cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế</i>) | x | x | |